

Số:16/2024/CBTT-ĐTTS

Hải Phòng, ngày 05 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CP CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU THỦY SẢN VIỆT NAM**
Trụ sở chính: Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, tp Hải Phòng
Điện thoại: 0979.668.870
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lương Thế Long, Tổng giám đốc
Địa chỉ: Thôn Vân Tra, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng
Điện thoại: 0904.212.794
Loại thông tin công bố:
Định kỳ [X] 24h [] 72h [] Theo yêu cầu [] Khác []

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam (Công ty) xin được công bố Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này cũng đã được đăng tải trên website chính thức của Công ty theo đường dẫn: www.dongtauthuysan.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty;
- Văn bản giải trình số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

Người thực hiện công bố thông tin 



Lương Thế Long

Số:17/2024/CBTT-ĐTTS

Hải Phòng, ngày 05 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam (Công ty) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: FSO (UPCoM)
- Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại liên hệ: 0979.668.870
- Email: ketoanckts@gmail.com Website: www.dongtauthuysan.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 05/3/2024 tại đường dẫn: <http://dongtauthuysan.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty;
- Văn bản giải trình số liệu lợi nhuận sau thuế của BCTC năm 2023 đã được kiểm toán.



Đại diện tổ chức

Lương Thế Long

Số : 18/2024/CV-ĐTTS

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2024

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Báo cáo tài chính năm 2023 và LNST của kỳ báo cáo thay đổi 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại: 0979.668.870

Mã chứng khoán: FSO

Trước tiên, Công ty Cổ phần Cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam (Công ty) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023, Công ty phát hành báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm 2023 lỗ (830.710.245) đồng cụ thể như sau:

- Hoạt động sản xuất giấy vàng mã của Công ty gặp khó khăn dẫn đến ngày 01/05/2023 Công ty đã tạm thời tạm dừng sản xuất. Ngày 01/7/2023 Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua phương án tạm dừng sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu và thống nhất thông qua phương án giải quyết chế độ cho người lao động. Năm 2023 Công ty đã chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động với số tiền: 1.095.670.000 đồng.

- Năm 2023 có một số khoản công nợ phải thu khó đòi đến thời điểm trích lập dự phòng. Công ty đã trích lập đối với những khoản công nợ này với số tiền 483.401.503 đồng.

- Chi phí thuê đất, chi phí điện năm 2023 của Công ty tăng.

Những nguyên nhân trên dẫn đến chi phí của Công ty phát sinh tăng cao so với năm trước làm kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2023 bị lỗ: (830.710.245) đồng (Âm tám trăm ba mươi triệu, bảy trăm mười nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng)

Trên đây là phần giải trình về lợi nhuận sau thuế trong năm 2023 của Công ty và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Kính xin Quý Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu KT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lương Thế Long



ECOVIS[®]
AFA VIETNAM

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM
ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU -
THỦY SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch	
Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/10/2023
Ông Lương Thế Long	Thành viên	
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/10/2023

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 26/10/2023
Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/10/2023
Ông Trần Công Toại	Thành viên	
Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/10/2023

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/08/2023
Ông Đặng Quang Hoàn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/08/2023
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/08/2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lương Thế Long, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Số: 22/2024/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU – THỦY SẢN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2024 từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 1.5: Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã tạm dừng hai hoạt động kinh doanh chính là hoạt động đóng tàu và sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu, chỉ còn lại hoạt động kinh doanh cho thuê. Công ty cũng đã giải quyết chế độ cho các nhân viên nghỉ việc tại Xưởng Giấy và tái cơ cấu hoạt động trên cơ sở tinh gọn bộ máy.

Những điều kiện này cùng với những vấn đề được nêu trong Thuyết minh số 1.5 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Trần Thị Như Phương
Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.447.219.906	34.456.665.374
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	371.052.934	740.879.768
1. Tiền	111		371.052.934	740.879.768
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.000.000.000	28.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	31.000.000.000	28.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.844.784.710	3.200.969.001
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.609.705.845	2.849.447.283
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.558.717.414	1.191.758.764
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(1.323.638.549)	(840.237.046)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	219.799.519	2.428.775.679
1. Hàng tồn kho	141		219.799.519	2.428.775.679
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.582.743	86.040.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	-	23.990.183
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	11.582.743	62.050.743
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.010.141.864	23.898.342.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.252.710.061	23.036.340.441
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	21.252.710.061	23.036.340.441
Nguyên giá	222		55.068.413.393	55.068.413.393
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.815.703.332)	(32.032.072.952)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		265.842.539	265.842.539
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	265.842.539	265.842.539
VI. Tài sản dài hạn khác	260		491.589.264	596.159.759
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	491.589.264	596.159.759
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56.457.361.770	58.355.008.113

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.729.016.861	2.795.952.959
I. Nợ ngắn hạn	310		1.143.016.861	2.416.452.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	119.130.725	882.567.271
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.919.895	5.519.895
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	195.607.668	303.928.478
4. Phải trả người lao động	314		379.289.385	691.340.923
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	24.988.420	36.640.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	336.295.708	385.296.328
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		84.785.060	111.160.064
II. Nợ dài hạn	330		586.000.000	379.500.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	586.000.000	379.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.728.344.909	55.559.055.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	54.728.344.909	55.559.055.154
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.249.660.000	56.249.660.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(83.050.000)	(83.050.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		36.090.727	36.090.727
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.194.299.043	3.194.299.043
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.668.654.861)	(3.837.944.616)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(3.837.944.616)	(4.544.356.553)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(830.710.245)	706.411.937
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56.457.361.770	58.355.008.113



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	14.738.995.129	35.997.843.359
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.738.995.129	35.997.843.359
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	10.620.004.785	31.586.235.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.118.990.344	4.411.607.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.355.670.417	1.812.976.699
7. Chi phí tài chính	22	5.4	17.429.723	55.474.221
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	133.302.018	287.913.764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.139.210.548	5.174.779.396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(815.281.528)	706.416.787
11. Thu nhập khác	31	5.7	33.751.253	2.960
12. Chi phí khác	32	5.8	49.179.970	7.810
13. Lợi nhuận khác	40		(15.428.717)	(4.850)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(830.710.245)	706.411.937
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(830.710.245)	706.411.937
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.5	(148)	126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.6	(148)	126



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(830.710.245)	706.411.937
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.757.255.376	1.829.706.400
Các khoản dự phòng	03		483.401.503	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.323.801.532)	(1.671.062.463)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(913.854.898)	865.055.874
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		312.520.926	(183.077.724)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.208.976.160	525.686.070
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.040.561.094)	333.970.027
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		128.560.678	106.624.853
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		695.641.772	1.648.259.100
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.200.000.000)	(29.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		27.200.000.000	25.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.934.531.394	1.518.758.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.065.468.606)	(1.981.241.374)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(369.826.834)	(332.982.274)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		740.879.768	1.073.862.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		371.052.934	740.879.768



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Hải Phòng theo Quyết định số 613/QĐ-BTS ngày 11 tháng 06 năm 2006 của Bộ Thủy sản. Ngày 11 tháng 12 năm 2006, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu – Thủy sản Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200140967 ngày 11 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 08 năm 2023.

Ngày 06 tháng 02 năm 2017, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường UPCOM theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là FSO.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.249.660.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18 (31/12/2022: 67).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa các loại phương tiện;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất, gia công giấy vàng mã xuất khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Trông giữ ô tô.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2022 và năm 2023, hoạt động đóng tàu của Công ty không tìm kiếm được khách hàng nên vẫn tiếp tục tạm ngưng hoạt động. Công ty đã điều chuyển nhân viên làm việc tại bộ phận đóng tàu sang các bộ phận khác của Công ty và sẽ tái cơ cấu lại bộ phận này sau khi tìm kiếm được khách hàng đóng tàu.

Ngày 12/07/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc tạm dừng sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu và phương án giải quyết về người lao động tại Xưởng Giấy. Công ty đã giải quyết chế độ cho nhân viên có đơn xin thôi việc theo đúng quy định pháp luật và tích cực tìm kiếm khách hàng để cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị của Xưởng Giấy trong thời gian tạm dừng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tái cơ cấu hoạt động và mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn sẽ hoạt động tốt trong năm tiếp theo khi Công ty mở rộng hoạt động cho thuê mặt bằng. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Cơ khí đóng tàu Vật Cách	Thôn Song Mai, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.
Xưởng Giấy	Thôn Song Mai, Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2023

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 40 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.8. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Tàu sông: 10%. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% kể từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ.
- Vàng mã xuất khẩu: 0%;
- Cho thuê địa điểm: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 6.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		98.291.808		495.331.352
Tiền gửi ngân hàng		272.761.126		245.548.416
+ VND		265.075.219		220.527.593
+ USD	332,33 #	7.685.907	1.067,77 #	25.020.823
Cộng		371.052.934		740.879.768

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	31.000.000.000	31.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	31.000.000.000	31.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cơ khí Thăng Lợi	653.407.818	640.299.714
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	521.730.857
Công ty TNHH Vạn Lợi	254.136.972	254.136.972
Các khách hàng khác	1.180.430.198	1.433.279.740
Cộng	2.609.705.845	2.849.447.283

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Lãi dự thu	1.538.963.014	-	1.149.692.876	-
Phải thu khác	19.754.400	-	42.065.888	-
Cộng	1.558.717.414	-	1.191.758.764	-

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.323.638.549	-	840.237.046	-
Cộng	1.323.638.549	-	840.237.046	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	-	Trên 3 năm	521.730.857	-	Trên 3 năm
Xí nghiệp Tàu hút sông 2 - Công ty Nạo vét và Xây dựng đường thủy 1	184.354.285	-	Trên 3 năm	184.354.285	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dịch vụ Xuất nhập khẩu Lực Hành	162.220.003	-	Trên 3 năm			
Ông Trần Việt Hùng	248.689.500	-	Trên 3 năm			
Các đối tượng khác	206.643.904	-	Trên 3 năm	134.151.904	-	Trên 3 năm
Cộng	1.323.638.549	-		840.237.046	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	141.755.623	-	846.629.901	-
Công cụ, dụng cụ	12.030.538	-	103.861.524	-
Thành phẩm	-	-	1.412.270.896	-
Hàng hóa	66.013.358	-	66.013.358	-
Cộng	219.799.519	-	2.428.775.679	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	23.990.183
Cộng	-	23.990.183
Dài hạn		
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	399.529.992	423.518.244
Chi phí sửa chữa	92.059.272	140.090.196
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	32.551.319
Cộng	491.589.264	596.159.759

(*) Chi phí san lấp mặt bằng để sử dụng thửa đất thuê tại Xã An Hồng, Huyện An Dương (thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đến 28/8/2040).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P/tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	47.291.128.837	4.335.009.824	3.092.896.797	349.377.935	55.068.413.393
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2023	47.291.128.837	4.335.009.824	3.092.896.797	349.377.935	55.068.413.393
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	25.603.389.254	3.299.207.204	2.780.098.559	349.377.935	32.032.072.952
Khấu hao trong năm	1.125.574.950	368.045.114	290.010.316	-	1.783.630.380
Tại ngày 31/12/2023	26.728.964.204	3.667.252.318	3.070.108.875	349.377.935	33.815.703.332
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	21.687.739.583	1.035.802.620	312.798.238	-	23.036.340.441
Tại ngày 31/12/2023	20.562.164.633	667.757.506	22.787.922	-	21.252.710.061

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.348.720.345 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Hệ xe triển 6.500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
Cộng	265.842.539	265.842.539

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thuận Phát	-	-	513.300.000	513.300.000
Công ty TNHH Thương mại Bao bì Tuấn Thịnh	-	-	119.394.000	119.394.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Đại học Dân lập Hải Phòng	69.090.909	69.090.909	69.090.909	69.090.909
Công ty TNHH Total Lubricant Việt Nam	41.299.097	41.299.097	41.299.097	41.299.097
Các nhà cung cấp khác	8.740.719	8.740.719	139.483.265	139.483.265
Cộng	119.130.725	119.130.725	882.567.271	882.567.271

4.11. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	132.957.668	1.015.270.204	1.184.943.051	-	302.630.515
Thuế TNDN	11.452.550	-	-	-	11.452.550	-
Thuế TNCN	-	1.050.000	9.217.452	9.465.415	-	1.297.963
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	61.600.000	687.338.600	575.270.600	50.468.000	-
Các loại thuế khác	130.193	-	4.000.000	4.000.000	130.193	-
Cộng	11.582.743	195.607.668	1.715.826.256	1.773.679.066	62.050.743	303.928.478

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí ăn ca	15.690.000	36.640.000
Khoản trích trước khác	9.298.420	-
Cộng	24.988.420	36.640.000

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	11.648.372	60.648.992
Công ty TNHH Vạn Lợi (tiền nước phải trả)	289.021.634	289.021.634
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.314.030	6.314.030
Các khoản phải trả khác	29.311.672	29.311.672
Cộng	336.295.708	385.296.328
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	586.000.000	379.500.000
Cộng	586.000.000	379.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2022	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	54.852.643.217
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	706.411.937
Tại ngày 01/01/2023	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	55.559.055.154
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(830.710.245)
Tại ngày 31/12/2023	56.249.660.000	(83.050.000)	36.090.727	3.194.299.043	54.728.344.909

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	35.082.000.000	35.082.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	21.167.660.000	21.167.660.000
Cộng	56.249.660.000	56.249.660.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	56.249.660.000	56.249.660.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	56.249.660.000	56.249.660.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu phổ thông	5.624.966	5.624.966
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/cổ phần

4.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi/Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	(830.710.245)	706.411.937
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(830.710.245)	706.411.937
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.624.966	5.624.966
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(148)	126

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi/Lỗ sau thuế của cổ đông Công ty	(830.710.245)	706.411.937
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi/Lỗ sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(830.710.245)	706.411.937
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.624.966	5.624.966
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.624.966	5.624.966
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(148)	126

4.14.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	3.194.299.043
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2023	3.194.299.043

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	332,33	1.067,77

	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:			
+ Nhũ	Kg	-	992,62
+ E.A.C	Kg	-	2.264,88
+ Methanol	Kg	-	3.451,29
+ Phẩm màu	Kg	-	1.506,26
+ Keo	Kg	-	3.035,26
+ Dây buộc kiện	Kg	-	3.464,57
+ Giấy mác	Kg	-	1,52

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu sản xuất vàng mã	9.586.360.192	31.457.991.100
Doanh thu khác	5.152.634.937	4.539.852.259
Cộng	14.738.995.129	35.997.843.359

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn sản xuất vàng mã	9.219.906.228	30.272.646.222
Giá vốn hoạt động khác	1.400.098.557	1.313.589.668
Cộng	10.620.004.785	31.586.235.890

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	2.323.801.532	1.671.062.463
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	31.868.885	141.914.236
Cộng	2.355.670.417	1.812.976.699

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	17.429.723	55.474.221
Cộng	17.429.723	55.474.221

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.302.018	287.913.764
Cộng	133.302.018	287.913.764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.308.941.571	3.132.418.017
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	154.702.782	169.647.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.736.576	170.736.576
Thuế, phí và lệ phí	685.192.800	466.202.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.201.786.841	1.028.879.983
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	483.401.503	112.068.000
Chi phí khác bằng tiền (*)	1.134.448.475	94.826.561
Cộng	7.139.210.548	5.174.779.396

(*) Trong đó, chi phí trợ cấp thôi việc cho người lao động trong năm 2023 là 1.095.670.000 VND.

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	33.750.000	-
Thu nhập khác	1.253	2.960
Cộng	33.751.253	2.960

5.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản bị phạt	49.178.696	-
Các khoản khác	1.274	7.810
Cộng	49.179.970	7.810

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.812.106.720	21.615.371.749
Chi phí nhân công	5.345.141.831	9.596.932.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.757.255.376	1.829.706.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.002.143.227	3.682.000.507
Chi phí khác bằng tiền	1.851.891.944	872.654.294
Cộng	15.768.539.098	37.596.665.159

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(830.710.245)	706.411.937
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	76.579.970	33.750.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	55.579.970	-
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	21.000.000	33.750.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	-	(740.161.937)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(754.130.275)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực đóng tàu;
- Lĩnh vực sản xuất vàng mã;
- Lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THUY SÁN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu								
+ Từ khách hàng bên ngoài	-	-	9.586.360.192	31.457.991.100	5.152.634.937	4.539.852.259	14.738.995.129	35.997.843.359
+ Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	9.586.360.192	31.457.991.100	5.152.634.937	4.539.852.259	14.738.995.129	35.997.843.359
Chi phí kinh doanh								
Giá vốn hàng bán	-	-	9.219.906.228	30.272.646.222	1.400.098.557	1.313.589.668	10.620.004.785	31.586.235.890
Chi phí bán hàng	-	-	133.302.018	287.913.764	-	-	133.302.018	287.913.764
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	496.144.903	101.231.061	6.643.065.645	5.073.548.335	7.139.210.548	5.174.779.396
Cộng	-	-	9.849.353.149	30.661.791.047	8.043.164.202	6.387.138.003	17.892.517.351	37.048.929.050
Kết quả HĐKD	-	-	(262.992.957)	796.200.053	(2.890.529.265)	(1.847.285.744)	(3.153.522.222)	(1.051.085.691)
Doanh thu HĐTC							2.355.670.417	1.812.976.699
Chi phí tài chính							17.429.723	55.474.221
Thu nhập thuần khác							(15.428.717)	(4.850)
Lợi nhuận trước thuế TNDN							(830.710.245)	706.411.937
Chi phí thuế TNDN hiện hành							-	-
Lợi nhuận sau thuế							(830.710.245)	706.411.937

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - THỦY SẢN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản của bộ phận	22.128.635.737	23.455.708.878	1.029.306.991	3.190.463.575	1.036.329.075	983.742.064	24.194.271.803	27.629.914.517
Tài sản không phân bổ							32.263.089.967	30.725.093.596
Tổng tài sản							56.457.361.770	58.355.008.113

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ phải trả của bộ phận	77.831.628	101.255.028	1.919.895	721.933.040	42.299.097	64.899.098	122.050.620	888.087.166
Nợ phải trả không phân bổ							1.606.966.241	1.907.865.793
Tổng nợ phải trả							1.729.016.861	2.795.952.959

	Lĩnh vực đóng tàu		Lĩnh vực sản xuất vàng mã		Lĩnh vực khác		Tổng cộng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí mua sắm tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao	1.230.652.433	1.287.511.496	526.602.943	542.194.904	-	-	1.757.255.376	1.829.706.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP | Công ty mẹ |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT		18.000.000	18.000.000
Ông Lương Thế Long	Thành viên HĐQT		18.000.000	12.750.000
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 26/10/2023)	3.000.000	-
Ông Đặng Quang Hoàn	Thành viên HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 26/10/2023)	15.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đức Lâm	Thành viên HĐQT	(Đã miễn nhiệm)	-	5.250.000
Ông Phạm Quốc Anh	Thành viên HĐQT	(Đã miễn nhiệm)	-	5.250.000
Ông Trần Công Toại	Thành viên HĐQT	(Đã miễn nhiệm)	-	5.250.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Trưởng BKS	(Bổ nhiệm ngày 26/10/2023)	12.000.000	12.000.000
	Thành viên BKS	(Miễn nhiệm ngày 26/10/2023)		
Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng BKS	(Miễn nhiệm ngày 26/10/2023)	10.000.000	12.000.000
Ông Trần Công Toại	Thành viên BKS		12.000.000	8.500.000
Bà Lê Cao Thùy Linh	Thành viên BKS	(Bổ nhiệm ngày 26/10/2023)	2.000.000	-
Bà Phạm Thanh Yến	Thành viên BKS	(Đã miễn nhiệm)	-	3.500.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Lương Thế Long	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 14/08/2023)	190.484.769	162.126.153
	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14/08/2023)		
Ông Đặng Quang Hoàn	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14/08/2023)	192.206.846	246.572.000
Ông Vũ Hồng Trường	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 14/08/2023)	53.644.559	-

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty cho thuê mặt bằng, kho bãi, ki ốt (bao gồm cả dịch vụ điện, nước, gửi xe) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình từ 1 năm đến 3 năm, với số tiền cho mỗi kỳ:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.152.634.937	4.539.852.259
Cộng	5.152.634.937	4.539.852.259

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 29/HĐ-TĐ ngày 25/04/2012 (Diện tích: 354,7 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 106/HĐ-TĐ ngày 30/07/2013 (Diện tích: 2.594 m²; địa chỉ tại số 2 phố Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 18/10/1996 đến hết ngày 18/10/2026); Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày 07/07/2015 (Diện tích: 1.906,7 m²; địa chỉ tại Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 5/10/1993 đến ngày 15/10/2043) và Hợp đồng thuê đất số 113/HĐTĐ ngày 30/11/2009 (Diện tích: 78.428 m²; địa chỉ tại Xã An Hồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng; thời hạn thuê: từ ngày 28/08/2000 đến 28/08/2040), với số tiền thuê mỗi kỳ:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	661.580.000	436.443.900
Cộng	661.580.000	436.443.900

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lương Thế Long
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Ngô Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Minh Diệp
Người lập